

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 161/NQ-HĐND

*Phú Yên, ngày 25 tháng 12 năm 2015*

### **NGHỊ QUYẾT**

**Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách  
địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP, ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương ban hành kèm theo Nghị định số 73/2003/NĐ-CP, ngày 23/6/2003 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-TTg, ngày 28/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2016; Quyết định số 2502/QĐ-BTC, ngày 28/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2016;

Sau khi xem xét các báo cáo của UBND tỉnh: số 366/BC-UBND, ngày 04/12/2015 về tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2015, dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016; số 356/BC-UBND, ngày 03/12/2015 về tình hình đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015 và kế hoạch năm 2016 nguồn vốn sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Phú Yên năm 2016 như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 3.200.000 triệu đồng (Bằng chữ: Ba nghìn hai trăm tỷ đồng);

2. Tổng thu ngân sách địa phương: 6.378.300 triệu đồng (Bằng chữ: Sáu nghìn ba trăm bảy mươi tám tỷ, ba trăm triệu đồng);

3. Tổng chi ngân sách địa phương: 6.378.300 triệu đồng (Bằng chữ: Sáu nghìn ba trăm bảy mươi tám tỷ, ba trăm triệu đồng).

*(Kèm theo các phụ lục số 01, 02 và 03).*

**Điều 2.** Phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016 như sau:

1. Tổng thu ngân sách cấp tỉnh là: 5.553.400 triệu đồng (Bằng chữ: Năm nghìn năm trăm năm mươi ba tỷ, bốn trăm triệu đồng);

2. Tổng chi ngân sách cấp tỉnh là: 5.553.400 triệu đồng (Bằng chữ: Năm nghìn năm trăm năm mươi ba tỷ, bốn trăm triệu đồng).

Trong đó:

2.1. Chi trong cân đối ngân sách: 5.422.400 triệu đồng, gồm:

a) Phân bổ ngân sách tỉnh cho các cơ quan, ban, ngành thuộc tỉnh, các khoản trả nợ vay (gốc và lãi) là: 1.638.010 triệu đồng;

b) Kinh phí mua bảo hiểm y tế người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi: 81.487 triệu đồng;

c) Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính: 1.000 triệu đồng;

d) Dự phòng chi ngân sách: 47.880 triệu đồng;

đ) Tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định: 44.100 triệu đồng;

e) Các khoản chi ngân sách khối tỉnh chưa phân bổ: 71.887 triệu đồng:

- Chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn XDCB tập trung: 36.500 triệu đồng;

- Chi sự nghiệp: 35.387 triệu đồng;

g) Bổ sung cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố: 2.097.829 triệu đồng;

h) Các khoản chi ngân sách địa phương chưa phân bổ: 1.440.192 triệu đồng, gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 1.388.494 triệu đồng;

+ Chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu vốn trong nước (Phân bổ sau khi có Quyết định của Trung ương phân bổ vốn chi tiết): 667.307 triệu đồng;

+ Chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu vốn ngoài nước (phân bổ sau khi có Quyết định của Trung ương phân bổ vốn chi tiết): 189.667 triệu đồng;

+ Chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn thực hiện CTMTQG (Phân bổ sau khi có Quyết định của Trung ương giao chỉ tiêu kế hoạch cụ thể): 81.520 triệu đồng;

+ Chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam (Phân bổ sau khi có Quyết định của Trung ương cho vay): 100.000 triệu đồng;

+ Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu thuế nhà thầu Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Vũng Rô: 350 tỷ đồng. Nguồn vốn này sẽ phân bổ sau khi phát sinh thuế nhà thầu của Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Vũng Rô và chỉ được dùng để hỗ trợ thực hiện các dự án ngoài hàng rào của Nhà máy lọc hóa dầu Vũng Rô gồm các dự án: Nạo vét luồng lạch lần đầu thuộc cảng Bãi Gốc; đê chắn sóng thuộc cảng biển Bãi Gốc; san lấp mặt bằng và bãi thải vật liệu; quy hoạch và đầu tư hạ tầng khu hành chính cảng Bãi Gốc; đường Phước Tân -Bãi Ngà; nhà ở xã hội công nhân.

- Chi thường xuyên: 51.698 triệu đồng;

+ Các khoản kinh phí sự nghiệp NSTW hỗ trợ có mục tiêu tiếp tục theo dõi thực hiện trong điều hành ngân sách năm 2016 là 8.268 triệu đồng;

+ Kinh phí ngân sách trung ương tạm cấp bù khoản giảm thu do thực hiện Nghị định số 209/2013/NĐ-CP của Chính phủ chờ cuối năm 2016 quyết toán thu để xử lý là 18.342 triệu đồng;

+ Chi thường xuyên từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện CTMTQG (phân bổ sau khi có Quyết định của Trung ương giao chỉ tiêu kế hoạch cụ thể) là 25.088 triệu đồng.

2.2. Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách nhà nước: 131.000 triệu đồng:

a) Đã phân bổ chi tiết từng cơ quan, đơn vị, địa phương: 103.235 triệu đồng;

b) Chưa phân bổ: 27.765 triệu đồng; bao gồm:

- Nguồn vốn xổ số kiến thiết tham gia Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 10.000 triệu đồng;

- Nguồn vốn xổ số kiến thiết chưa phân bổ (dự phòng thực hiện các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư phát sinh): 500 triệu đồng;

- Nguồn cấp bù học phí và dự kiến tăng thu do thay đổi mức thu theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP: 17.265 triệu đồng.

*(Kèm theo các phụ lục số 04, 05)*

**Điều 3.** Thông qua các giải pháp thực hiện dự toán ngân sách địa phương của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh; các giải pháp tại Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và nhấn mạnh một số vấn đề cơ bản sau đây:

1. UBND tỉnh chỉ đạo các ngành và các địa phương trong việc tổ chức theo dõi sát diễn biến giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là giá các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân; có giải pháp cụ thể điều hành và bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu trong những tháng cuối năm 2015 và đầu năm 2016, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, sốt giá trên địa bàn tỉnh, nhất là trong dịp tết Nguyên đán cổ truyền của dân tộc.

2. UBND tỉnh chỉ đạo các ngành và các địa phương tiếp tục triển khai và thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Chính phủ về một số giải pháp hỗ trợ sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, tái cơ cấu kinh tế, giải quyết nợ xấu và xem đây là nhiệm vụ trọng tâm trong việc điều hành dự toán ngân sách nhà nước. Với mục tiêu tiếp tục thực hiện chính sách tài khóa thắt chặt, tiết kiệm, phân bổ nguồn lực đầu tư công hợp lý, hiệu quả để góp phần cùng chính sách tiền tệ ổn định kinh tế vĩ mô. Thực hiện thu sát và tích cực, bố trí chi chặt chẽ, tiết kiệm và nâng cao hiệu quả chi tiêu công. Ưu tiên nguồn lực để thực hiện các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội...

3. Nhiệm vụ quan trọng của công tác thu ngân sách năm 2016 là tập trung tổ chức bám sát tình hình đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh và hoạt động xuất nhập khẩu năm 2016; tính đúng, tính đủ, kịp thời các khoản thu ngân sách theo các chính sách, chế độ hiện hành và những chế độ, chính sách mới sẽ có hiệu lực thi hành năm 2016; các khoản thu ngân sách nhà nước của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phát sinh, phải nộp trong năm 2016, trong đó chú ý tính các khoản thu phát sinh từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi thuế, các khoản thu được gia hạn năm 2015 phải thu vào năm 2016 theo Nghị quyết của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Bên cạnh đó, tổ chức thực hiện tốt Luật Quản lý thuế nhằm động viên hợp lý các khoản thu vào ngân sách nhà nước; đồng thời vừa phải tạo sự khuyến khích sản xuất kinh doanh phát triển, tăng tích lũy và phát triển nguồn thu; vừa đảm bảo nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, vừa chủ động ứng phó với những tác động của thị trường giá cả, vừa phải đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp; thực hiện cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế, tăng trách nhiệm của người nộp thuế và cơ quan thu thuế; tăng cường công tác kiểm tra,

chống thất thu, nợ đọng thuế, tạo môi trường bình đẳng cho mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

4. UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện nghiêm quy định của Luật Ngân sách nhà nước; tăng cường công tác quản lý và giám sát chặt chẽ các khoản chi, đảm bảo yêu cầu chi đã được bố trí trong dự toán được HĐND tỉnh thông qua. Trường hợp nếu nguồn thu không đạt dự toán phải sắp xếp lại một số khoản chi để giảm chi tương ứng với nguồn thu.

5. Ưu tiên bố trí chi đầu tư phát triển để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 và giai đoạn 2016-2020 của tỉnh, trong đó ưu tiên bố trí dự toán cho các dự án, công trình trọng điểm của tỉnh, phát triển khu vực nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững; tiếp tục ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường, an ninh, quốc phòng...

6. Trong quá trình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2016, UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, các địa phương phấn đấu thu vượt nhiệm vụ được giao để bổ sung đầu tư phát triển, phòng chống thiên tai, dịch bệnh và xử lý các vấn đề cấp bách, đột xuất phát sinh trong năm ở từng ngành, từng cấp và dành nguồn để thực hiện cải cách tiền lương, thực hiện các chính sách đảm bảo an sinh xã hội.

#### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được HĐND tỉnh thông qua.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, ban, ngành và các địa phương thuộc tỉnh quản lý theo đúng qui định của Luật Ngân sách nhà nước. Tổ chức quản lý, điều hành ngân sách theo dự toán đã được HĐND tỉnh thông qua. Trong quá trình triển khai, nếu có sự phát sinh, thay đổi so với dự toán ngân sách đã phân bổ và khi giao dự toán đối với các khoản chưa phân bổ thì phải thống nhất ý kiến với Thường trực HĐND tỉnh trước khi thực hiện và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2015./.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Tấn Việt**

Phụ lục số: 01

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016****TỈNH: PHÚ YÊN***(Kèm theo Nghị quyết số 161/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh)***Đơn vị tính: triệu đồng**

<b>Số TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>Dự toán 2016</b>
<b>A</b>	<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>3.200.000</b>
<b>I</b>	<b>Thu trong cân đối</b>	<b>2.978.300</b>
1	Thu nội địa	2.950.300
2	Thu từ xuất nhập khẩu	28.000
3	Thu viện trợ không hoàn lại	
<b>II</b>	<b>Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN</b>	<b>221.700</b>
<b>B</b>	<b>Thu ngân sách địa phương</b>	<b>6.378.300</b>
<b>I</b>	<b>Thu trong cân đối</b>	<b>6.156.600</b>
1	Thu NSDP hưởng theo phân cấp.	2.908.023
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%.	677.663
	- Các khoản thu NSDP hưởng tỷ lệ %.	2.230.360
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương.	3.065.393
	- Bổ sung cân đối.	1.377.049
	- Bổ sung cải cách tiền lương.	358.611
	- Bổ sung có mục tiêu.	1.329.733
	Trong đó: Vốn XDCB ngoài nước.	189.667
3	Thu chuyên nguồn.	83.184
4	Thu vay theo khoản 3 điều 8 Luật NSNN (KCH kênh mương, GTNT, LN).	100.000
<b>II</b>	<b>Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN</b>	<b>221.700</b>
<b>C</b>	<b>Chi ngân sách địa phương</b>	<b>6.378.300</b>
<b>I</b>	<b>Chi trong cân đối</b>	<b>6.156.600</b>
1	Chi đầu tư phát triển.	2.086.094
	Trong đó: Chi trả nợ vay (gốc và lãi).	308.650
2	Chi thường xuyên.	3.936.546
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.	1.000
4	Dự phòng chi.	88.860
5	Tạo nguồn CCTL từ 50% tăng thu NSDP hưởng DTĐP 2015 so DTTW 2015.	44.100
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu để lại đơn vị quản lý qua NSNN</b>	<b>221.700</b>



7	Thuế SD đất phi nông nghiệp.	5.000	1.290	3.710	2.800	150	150	80	330	200			
8	Thuế thu nhập cá nhân.	105.000	63.400	41.600	24.000	2.400	2.500	2.300	1.900	3.300	1.200	1.600	2.400
9	Thuế bảo vệ môi trường.	470.000	470.000	0									
10	Thu phí và lệ phí.	34.000	21.550	12.450	3.000	550	2.500	720	1.700	1.600	480	1.200	700
11	Tiền sử dụng đất.	355.500	220.000	135.500	60.000	11.000	16.000	12.000	8.000	20.000	2.500	5.000	1.000
12	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước.	25.000	19.260	5.740	3.400	400	500	100	220	800	20	100	200
13	Thu tiền thu, bán nhà thuộc SHNN.	0		0									
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.	2.900	2.300	600								200	400
15	Thu tiền bán rừng trồng.	0		0									
16	Thu cố định tại xã.	34.100		34.100	2.300	8.800	5.800	10.600	3.700	1.000	950	550	400
17	Thu khác ngân sách.	83.500	51.000	32.500	10.000	2.800	2.300	2.100	2.300	3.600	2.600	5.300	1.500
	Trong đó: Thu phạt ATGT.	44.000	22.700	21.300	7.000	2.200	1.500	1.400	1.600	1.700	1.700	3.000	1.200
<b>II</b>	<b>Thu thuế xuất nhập khẩu</b>	<b>28.000</b>	<b>28.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>B</b>	<b>Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN</b>	<b>221.700</b>	<b>131.000</b>	<b>90.700</b>	<b>16.500</b>	<b>8.000</b>	<b>12.000</b>	<b>18.000</b>	<b>10.000</b>	<b>15.000</b>	<b>6.500</b>	<b>3.000</b>	<b>1.700</b>
1	Các khoản phí, lệ phí và thu phạt khác.	87.100	51.000	36.100	14.500	2.700	3.500	3.000	3.500	5.300	1.200	1.200	1.200



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016****TỈNH PHÚ YÊN***(Kèm theo Nghị quyết số 161/NQ-HĐND ngày 25 tháng 01 năm 2015 của HĐND tỉnh)**Đơn vị tính: triệu đồng*

Nội dung	Dự toán 2016	Khôi tỉnh	Khôi huyện	Chi tiết các huyện, thị xã, thành phố								
				TP Tuy Hoà	H. Phú Hoà	H Đông Hoà	H Tây Hoà	H Tuy An	TX Sông Cầu	H Đông Xuân	H Sơn Hoà	H Sông Hinh
<b>tổng chi NSđp</b>	<b>6.409.431</b>	<b>2.046.495</b>	<b>2.922.744</b>	<b>504.537</b>	<b>275.509</b>	<b>318.656</b>	<b>348.374</b>	<b>373.591</b>	<b>323.719</b>	<b>288.555</b>	<b>237.786</b>	<b>252.017</b>
<b>A. CHI CÂN ĐỐI NSĐP</b>	<b>6.187.731</b>	<b>1.915.495</b>	<b>2.832.044</b>	<b>488.037</b>	<b>267.509</b>	<b>306.656</b>	<b>330.374</b>	<b>363.591</b>	<b>308.719</b>	<b>282.055</b>	<b>234.786</b>	<b>250.317</b>
<b>I. Chi đầu t phát triển</b>	<b>2.086.094</b>	<b>425.700</b>	<b>271.900</b>	<b>87.000</b>	<b>22.300</b>	<b>27.800</b>	<b>27.900</b>	<b>22.400</b>	<b>35.000</b>	<b>16.600</b>	<b>17.700</b>	<b>15.200</b>
1. Chi đầu t XDCB tập trung.	1.045.600	425.700	269.900	85.000	22.300	27.800	27.900	22.400	35.000	16.600	17.700	15.200
a) Vốn trong nước <sup>(1)</sup>	710.100	225.700	134.400	25.000	11.300	11.800	15.900	14.400	15.000	14.100	12.700	14.200
- Trả nợ gốc và lãi vay.	108.650	108.650										
- Vốn phân bổ <sup>(1)</sup>	601.450	117.050	134.400	25.000	11.300	11.800	15.900	14.400	15.000	14.100	12.700	14.200
Trong đó:												
+ Giáo dục - đào tạo và dạy nghề.	102.000	51.000	51.000									
+ Khoa học công nghệ	9.070	9.070	0									
b) Đầu t từ nguồn thu tiền sử dụng đất <sup>(2)</sup>	335.500	200.000	135.500	60.000	11.000	16.000	12.000	8.000	20.000	2.500	5.000	1.000
- Tiền SD đất khôi tinh bố trí trả nợ vay.	200.000	200.000										



6. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ.	17.408	17.408	0									
7. Chi sự nghiệp văn hoá thông tin <sup>(7)</sup>	36.357	21.468	14.610	1.621	1.616	1.805	1.648	1.960	1.817	1.249	1.604	1.290
8. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình.	17.366	7.316	10.050	1.037	1.131	1.282	1.059	1.014	1.482	1.034	973	1.038
9. Chi sự nghiệp thể dục thể thao.	8.432	2.686	5.746	844	473	775	523	487	841	401	404	998
10. Chi đảm bảo xã hội.	218.285	37.019	181.266	22.287	25.285	22.235	31.020	26.730	18.965	17.755	8.610	8.379
11. Sự nghiệp văn xã khác.	2.686	2.686	0									
12. Sự nghiệp khác chia phân bổ.	275.515	275.515	0									
13. Chi quản lý hành chính <sup>(8)</sup>	690.893	95.082	591.994	77.678	48.048	56.584	60.074	73.946	72.445	63.553	70.584	69.082
- Quản lý nhà nước.	547.218	9.379	537.839	71.169	43.495	50.050	54.462	67.725	66.531	57.211	64.476	62.720
- Đảng.	67.034	32.085	34.949	4.422	2.656	3.722	3.758	4.134	3.842	4.280	4.037	4.098
- Đoàn thể.	23.943	4.738	19.206	2.087	1.897	2.812	1.854	2.087	2.072	2.062	2.071	2.264
14. Chi an ninh quốc phòng	64.761	20.710	44.051	9.018	3.617	4.432	4.090	3.926	6.710	4.714	3.363	4.181
- Chi giữ gìn an ninh và trật tự an toàn XH.	16.048	4.840	11.208	1.882	775	1.584	684	1.565	1.417	1.479	683	1.139
- Chi quốc phòng địa phương.	48.713	15.870	32.843	7.136	2.842	2.848	3.406	2.361	5.293	3.235	2.680	3.042
15. Chi khác ngân sách <sup>(9)</sup>	39.734	250	21.142	3.179	1.493	2.251	1.217	7.370	2.050	1.137	1.505	940
16. Chi sự nghiệp CTMTQG <sup>(10)</sup>	25.088		0									
<b>III. Chi lập và bổ sung quỹ DTTC</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>										
<b>IV. Dự phòng ngân sách</b>	<b>88.860</b>	<b>47.880</b>	<b>40.980</b>	<b>7.810</b>	<b>3.940</b>	<b>4.370</b>	<b>4.800</b>	<b>4.970</b>	<b>4.190</b>	<b>3.780</b>	<b>3.650</b>	<b>3.470</b>
<b>V. Tạo nguồn cải cách</b>	<b>44.100</b>	<b>44.100</b>	<b>0</b>									

<b>tiền lương theo quy định</b>												
<b>B. Chi từ nguồn thu để lại</b>	<b>221.700</b>	<b>131.000</b>	<b>90.700</b>	<b>16.500</b>	<b>8.000</b>	<b>12.000</b>	<b>18.000</b>	<b>10.000</b>	<b>15.000</b>	<b>6.500</b>	<b>3.000</b>	<b>1.700</b>

**Ghi chú:** Dự toán chi NSDP 2016 nêu trên:

- Đã bao gồm tiền lương và các chế độ phụ cấp theo mức lương cơ sở 1.150.000 đồng; các chế độ chi do địa phương quy định và đảm bảo bằng nguồn NSDP;

- Vốn XDCB chưa phân bổ: (1) Vốn XDCB tập trung chưa phân bổ: 350.000 tr.đ từ thuế nhà thầu Dự án Nhà máy lọc hoá dầu Vũng Rô; Vốn XDCB tập trung bố trí cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo và khoa học công nghệ còn tiếp tục giao chi tiết; (2) Vốn 30% số thu tiền SD đất của khối huyện chờ thành lập Quỹ Phát triển đất Tỉnh sẽ có kế hoạch sử dụng cụ thể; (3) Vốn XDCB từ nguồn NSTW bổ sung có MT vốn trong nước là 667.307 tr.đ (chờ Thủ tướng Chính phủ và Bộ KHĐT phân bổ chi tiết), Vốn CTMTQG 81.520 tr.đ (Chờ Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiêu kế hoạch cụ thể để phân rã), Vốn XDCB ngoài nước 189.667 tr.đ (chờ Thủ tướng Chính phủ và Bộ KHĐT phân bổ chi tiết); (4) Vốn vay KCH kênh mương, GTNT 100.000 tr.đ phân bổ sau theo số thực tế Bộ Tài chính phân bổ cho vay;

- Vốn SN chưa phân bổ: (5) Chi trợ giá, trợ cước 673 tr.đ (KP TWBSMT hỗ trợ trực tiếp đồng bào DTTS nghèo đã phân bổ còn dư); (6) SN GD&ĐT 3.499 tr.đ (KP TWBSMT tăng mức học bổng HSDTNT, bán trú, hỗ trợ HS THPT vùng ĐBKK và hỗ trợ SGK đã phân bổ còn dư); (7) SN VH TT 279 tr.đ (KP TWBSMT XD đời sống VH khu dân cư đã phân bổ còn dư); (8) QLHC 3.817 tr.đ (KP TWBSMT thực hiện QĐ 99-QĐ/TW đã phân bổ còn dư); (9) Chi khác NS 18.342 tr.đ (KP TWBSMT tạm cấp bù số giảm thu do thực hiện NĐ 209/2013/NĐ-CP chờ cuối năm quyết toán thu); (10) Vốn SN thực hiện CTMTQG 25.088 tr.đ (Chờ Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiêu kế hoạch cụ thể để phân rã).

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC CẤP TỈNH NĂM 2016**  
(Kèm theo Nghị quyết số 161/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

S T T	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN 2016																										
		TỔNG CHI	Chi đầu tư XDCB								Chi hỗ trợ doanh nghiệp công ích	Chi thường xuyên																
			Tổng số	Chia ra				Trong đó				Chi an ninh, quốc phòng	Chi sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	Chi sự nghiệp Y tế	Chi sự nghiệp KH-CN	Chi VHT,DT T,PTTH	Chi đảm bảo xã hội	Chi sự nghiệp kinh tế	Trong đó: Vốn Quy hoạch	Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp văn xã khác	Sự nghiệp chưa phân bổ	Chi khác ngân sách	Chi từ nguồn TW bổ sung có mục tiêu		
				Vốn trong nước	Vốn chuẩn bị đầu tư	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn NST Hỗ trợ có mục tiêu	Vốn ngo ãi nước	Giáo dục-Đào tạo và dạy nghề	Khoa học công nghệ																	Tổng số	
A	Tổng số trong cân đối NS (I+II+III+IV+V+VI+VII)	1.791.385	425.700	220.700	5.000	200.000	0	0	31.800	9.070	0	1.365.685	39.770	385.179	367.449	17.408	51.872	37.019	139.096	6.450	275.515	5.078	5.474	2.686	2.600	13.530	23.009	
1	Số đã phân bổ cho các đơn vị	1.638.010	389.200	184.700	4.500	200.000	0	0	31.800	9.070	0	1.248.810	39.770	377.119	285.962	17.408	51.872	37.019	133.869	3.223	268.015	5.078	5.474	2.686	0	1.530	23.009	
1	Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh.	250	0									250														250		
2	VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.	9.770	391	391								9.379								9.379								
3	Văn phòng UBND tỉnh.	15.793	0									15.793					697				15.096							
4	Sở Nông nghiệp và PTNT.	93.577	11.858	9.876	1.982							81.719							42.121		39.599							
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư.	11.156	1.100	1.100								10.056							2.412		7.644							
6	Sở Tư pháp.	8.249	180	180								8.069							215		5.168			2.686				
7	Sở Công thương.	20.218	249	49	200							19.969							2.770		16.849		350					
8	Sở Khoa học và Công nghệ.	27.979	6.124	5.724	400					5.624		21.855			17.208						4.647							
9	Sở Tài chính.	9.096	0									9.096									8.496					600		
10	Sở Xây dựng.	5.422	350	350								5.072							700	700	4.372							
11	Sở Giao thông Vận tải.	10.292	200		200							10.092							3.972	200	6.120							
12	Sở Giáo dục và Đào tạo.	312.059	23.300	23.000	300				21.800			288.759		275.361							6.295					7.103		
13	Sở Y tế.	294.941	0									294.941		12.682	276.434						5.825							

CÔNG BỐ/SỐ 01+02/Ngày 18-01-2016

1 4	Sở Lao động Thương binh và Xã hội.	38.670	2.000	2.000				2.000			36.670		2.279			28.219			5.966							205	
1 5	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lich.	44.442	300		300						44.142		6.950		29.284		1.283	123	5.895		750						
1 6	Sở Nội vụ.	20.511	0								20.511		6.512		634	500			12.865								
1 7	Thanh tra tỉnh.	5.135	0								5.135								5.135								
1 8	Sở Tài nguyên và Môi trường.	55.776	1.800	1.800							53.976						41.042	1.000	8.210		4.724						
1 9	Sở Thông tin và Truyền thông.	6.890	150		150						6.740				3.216				3.524								
2 0	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.	12.541	0								12.541				12.541												
2 1	Ban Dân tộc tỉnh.	2.978	0								2.978								2.978								
2 2	Ban quản lý Khu kinh tế Phủ Yên.	5.766	0								5.766						2.058		3.608		100						
2 3	BQLDA Các công trình trọng điểm tỉnh.	4.415	4.415	4.415							0																
2 4	BQL Dự án Thủy lợi và Phòng chống thiên tai.	1.401	1.401	1.401							0																
2 5	Ban Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh.	6.618	0								6.618		90	6.528													
2 6	Ban quản lý Khu nông- nghiệp ứng dụng CNC.	5.872	3.446	3.446				3.446			2.426						2.426	1.200									
2 7	Trường Đại học Phú Yên.	29.463	0								29.463		29.463														
2 8	Trường Cao đẳng Nghề Phú Yên.	10.077	0								10.077		10.077														
2 9	Trường Cao đẳng Y tế Phú Yên.	26.151	8.000	8.000				8.000			18.151		18.151														
3 0	Khởi Đảng.	69.382	0								69.382				4.967				60.257		4.158						
3 1	Trường Chính trị tỉnh.	6.712	0								6.712		6.712														
3 2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.	5.307	369	269	100						4.938				200				4.738								
3 3	Tinh Đoàn.	7.835	50		50						7.785		1.927				599		5.259								
3 4	Đoàn khởi các cơ quan tỉnh.	681	0								681								681								











Phụ lục số: 05

**CÂN ĐỐI THU CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016****Khối huyện, thị xã, thành phố**

(Kèm theo Nghị quyết số 161/NQ-HĐND ngày 25 tháng 01 năm 2015 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi tiết các huyện, thị xã, thành phố								
			Tp. Tuy Hoà	Phú Hoà	Đông Hoà	Tây Hoà	Tuy An	Tx. Sông Cầu	Đông Xuân	Sơn Hoà	Sông Hinh
<b>I</b>	<b>Dự toán thu NSNN năm 2016 (A+B)</b>	<b>831.600</b>	<b>320.000</b>	<b>54.600</b>	<b>65.500</b>	<b>64.100</b>	<b>57.500</b>	<b>98.000</b>	<b>66.000</b>	<b>39.400</b>	<b>66.500</b>
<b>A</b>	<b>Thu trong cân đối ngân sách</b>	<b>740.900</b>	<b>303.500</b>	<b>46.600</b>	<b>53.500</b>	<b>46.100</b>	<b>47.500</b>	<b>83.000</b>	<b>59.500</b>	<b>36.400</b>	<b>64.800</b>
1	Thu nội địa.	740.900	303.500	46.600	53.500	46.100	47.500	83.000	59.500	36.400	64.800
	Thu tiền sử dụng đất.	135.500	60.000	11.000	16.000	12.000	8.000	20.000	2.500	5.000	1.000
	Thu tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.	0									
2	Thu từ xuất nhập khẩu.	0									
3	Thu viện trợ không hoàn lại.	0									
<b>B</b>	<b>Thu ngoài cân đối ngân sách</b>	<b>90.700</b>	<b>16.500</b>	<b>8.000</b>	<b>12.000</b>	<b>18.000</b>	<b>10.000</b>	<b>15.000</b>	<b>6.500</b>	<b>3.000</b>	<b>1.700</b>
<b>II</b>	<b>Thu ngân sách địa phương năm 2016 (A + B)</b>	<b>2.922.744</b>	<b>504.537</b>	<b>275.509</b>	<b>318.656</b>	<b>348.374</b>	<b>373.591</b>	<b>323.719</b>	<b>288.555</b>	<b>237.786</b>	<b>252.017</b>
<b>A</b>	<b>Thu NSDP hưởng trong</b>	<b>2.832.044</b>	<b>488.037</b>	<b>267.509</b>	<b>306.656</b>	<b>330.374</b>	<b>363.591</b>	<b>308.719</b>	<b>282.055</b>	<b>234.786</b>	<b>250.317</b>

	<b>cân đối</b>										
<b>1</b>	<b>Thu NSDP hưởng theo phân cấp</b>	<b>725.990</b>	<b>298.600</b>	<b>45.060</b>	<b>52.450</b>	<b>45.120</b>	<b>46.380</b>	<b>81.810</b>	<b>58.310</b>	<b>34.300</b>	<b>63.960</b>
	Các khoản thu NSDP hưởng 100%.	325.330	146.500	27.450	34.529	30.611	20.191	37.056	7.453	13.550	7.990
	Các khoản thu NSDP hưởng theo tỷ lệ %.	400.660	152.100	17.610	17.921	14.509	26.189	44.754	50.857	20.750	55.970
<b>2</b>	<b>Bổ sung từ ngân sách tỉnh năm 2016</b>	<b>2.097.829</b>	<b>189.437</b>	<b>221.574</b>	<b>254.206</b>	<b>285.254</b>	<b>317.061</b>	<b>222.909</b>	<b>222.795</b>	<b>198.236</b>	<b>186.357</b>
2.1	Bổ sung cân đối ngân sách.	1.086.213	73.616	119.869	135.580	148.305	154.695	130.139	115.583	111.234	97.192
	Bổ sung chi đầu tư XDCB <sup>(1)</sup>	57.600	10.342	4.921	4.942	6.804	6.333	7.225	5.668	5.478	5.887
	Bổ sung chi thường xuyên.	1.028.613	63.274	114.948	130.638	141.501	148.362	122.914	109.915	105.756	91.305
2.2	Bổ sung có mục tiêu.	1.011.616	115.821	101.705	118.626	136.949	162.366	92.770	107.212	87.002	89.165
	Bổ sung chi đầu tư XDCB <sup>(2)</sup>	2.000	2.000								
	Bổ sung chi thường xuyên.	1.009.616	113.821	101.705	118.626	136.949	162.366	92.770	107.212	87.002	89.165
2.3	Bổ sung chi CTMTQG và các dự án lớn.	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Bổ sung chi đầu tư XDCB.	0									
	Bổ sung chi thường xuyên.	0									
2.4	Bổ sung chi từ nguồn vốn nước ngoài.	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Bổ sung chi đầu tư XDCB.	0									
<b>3</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>	<b>8.225</b>		<b>875</b>			<b>150</b>	<b>4.000</b>	<b>950</b>	<b>2.250</b>	
<b>B</b>	<b>Thu ngoài cân đối ngân sách</b>	<b>90.700</b>	<b>16.500</b>	<b>8.000</b>	<b>12.000</b>	<b>18.000</b>	<b>10.000</b>	<b>15.000</b>	<b>6.500</b>	<b>3.000</b>	<b>1.700</b>

<b>III</b>	<b>Chi ngân sách địa phương năm 2016 (A + B)</b>	<b>2.922.744</b>	<b>504.537</b>	<b>275.509</b>	<b>318.656</b>	<b>348.374</b>	<b>373.591</b>	<b>323.719</b>	<b>288.555</b>	<b>237.786</b>	<b>252.017</b>
<b>A</b>	<b>Chi trong cân đối ngân sách</b>	<b>2.832.044</b>	<b>488.037</b>	<b>267.509</b>	<b>306.656</b>	<b>330.374</b>	<b>363.591</b>	<b>308.719</b>	<b>282.055</b>	<b>234.786</b>	<b>250.317</b>
1	Chi đầu tư phát triển <sup>(2)</sup>	271.900	87.000	22.300	27.800	27.900	22.400	35.000	16.600	17.700	15.200
2	Chi thường xuyên <sup>(3)</sup>	2.519.164	393.227	241.269	274.486	297.674	336.221	269.529	261.675	213.436	231.647
3	Dự phòng chi.	40.980	7.810	3.940	4.370	4.800	4.970	4.190	3.780	3.650	3.470
<b>B</b>	<b>Chi ngoài cân đối ngân sách <sup>(4)</sup></b>	<b>90.700</b>	<b>16.500</b>	<b>8.000</b>	<b>12.000</b>	<b>18.000</b>	<b>10.000</b>	<b>15.000</b>	<b>6.500</b>	<b>3.000</b>	<b>1.700</b>

**Ghi chú:**

<sup>(1)</sup> Bổ sung cân đối ngân sách đã bao gồm vốn hỗ trợ từ nguồn XDCB tập trung khối tỉnh cho ngân sách TP Tuy Hoà 2 tỷ đồng (thực hiện Dự án HTKT Khu tái định cư để di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bãi rác Thọ Vực xã Hòa Kiến); ngân sách TX. Sông Cầu 2 tỷ đồng (thực hiện Dự án Kè chống xói lở đầm Cù Mông);

<sup>(2)</sup> Chưa bao gồm số bổ sung vốn đầu tư XDCB từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu (Tỉnh đã có văn bản đề nghị, chờ Bộ KHĐT thống nhất quyết định phân bổ); đã bao gồm số bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách TP. Tuy Hoà để chi hỗ trợ vốn DNNN 2 tỷ đồng;

<sup>(3)</sup> Trong đó đã bao gồm 10% tiết kiệm chi thường xuyên để lại thực hiện cải cách tiền lương năm 2016;

<sup>(4)</sup> Trong đó đã bao gồm 40% thu học phí để lại thực hiện cải cách tiền lương năm 2016.